

Yên Ninh, ngày 26 tháng 12 năm 2024

**BIÊN BẢN**

**Niêm yết công khai dự thảo Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024**

**I. Thời gian, địa điểm, thành phần niêm yết**

1. Thời gian: Hôi 07 giờ 30 phút, ngày 26 tháng 12 năm 2024
2. Địa điểm niêm yết: Tại bảng niêm yết công văn của UBND xã Yên Ninh
3. Thành phần thực hiện việc niêm yết:
  - Ông: Triệu Văn Sơn, chức vụ: Chủ tịch UBND xã Yên Ninh
  - Ông: Đinh Văn Hưng, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban MTTQ xã
  - Ông: Nguyễn Văn Khiết, Chức vụ: CC văn phòng – thống kê
  - Bà: Nguyễn Thị Như Nguyệt, chức vụ: CC Tư pháp – hộ tịch người ghi biên bản

**II. Nội dung, tiến trình việc dán niêm yết**

Tiến hành lập biên bản niêm yết công khai dự thảo Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu tại trụ sở UBND xã Yên Ninh.


1. Thời gian niêm yết công khai bắt đầu từ ngày 26 tháng 12 năm 2024 đến hết ngày 30/12/2024.
2. Địa điểm công khai: Niêm yết tại Trụ sở UBND xã; Trang thông tin điện tử của UBND xã.


Vậy các thành phần trên cùng nhau lập biên bản niêm yết công khai dự thảo Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu.

Biên bản lập xong vào hồi 07h 30 phút cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng nhất trí ký tên./.

**CÁC THÀNH PHẦN THỰC HIỆN NIÊM YẾT**

Người ghi biên bản

  
Nguyễn Thị Như Nguyệt

  
Đinh Văn Hưng

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

  
  
Triệu Văn Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ YÊN NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 109/TB-UBND

Yên Ninh, ngày 26 tháng 12 năm 2024

**THÔNG BÁO**

**Công khai niêm yết Dự thảo Báo cáo đánh giá kết quả đạt  
chuẩn tiếp cận pháp luật; Bản tổng hợp điểm số của các Tiêu chí, chỉ tiêu  
chuẩn tiếp cận pháp luật xã Yên Ninh năm 2024**

Thực hiện Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15;

Căn cứ Thông tư 09/2021 của Bộ Tư pháp về Hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

UBND xã Yên Ninh thông báo thời gian, hình thức, địa điểm công khai kết quả chấm điểm các tiêu chí đạt chuẩn tiếp cận pháp luật xã Yên Ninh năm 2024 như sau:

1/ Nội dung công khai: Dự thảo Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Bản tổng hợp điểm số của các Tiêu chí, chỉ tiêu năm 2024;

2/ Thời gian công khai: 05 ngày từ ngày 26/12/2024 đến hết ngày 30/12/2024.

3/ Hình thức, địa điểm công khai: Niêm yết tại trụ sở UBND xã; trên Trang thông tin điện tử của xã.

Vậy UBND xã Yên Ninh thông báo niêm yết công khai kết quả chấm điểm các tiêu chí chuẩn tiếp cận pháp luật xã Yên Ninh năm 2024 để các tổ chức liên quan và nhân dân trong xã được biết./.

**Nơi nhận:**

- 14 nhà văn hóa xóm;
- Các ban ngành liên quan;
- Lưu: VP; TP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Triệu Văn Sơn**





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Yên Ninh, ngày tháng năm

## BÁO CÁO

### Đánh giá kết quả và đề nghị công nhận xã Yên Ninh đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024

Thực hiện Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của thủ tướng chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. UBND xã Yên Ninh báo cáo đánh giá kết quả và đề nghị công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cụ thể như sau:

#### **I. Kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

##### **1. Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện**

Thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2024, UBND xã ban hành Kế hoạch số 24/KH-UBND, ngày 18/01/2024 Kế hoạch xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn xã Yên Ninh năm 2024 và quán triệt đến cán bộ, công chức triển khai thực hiện những nhiệm vụ, nội dung trong kế hoạch, đồng thời phổ biến tuyên truyền để nâng cao nhận thức trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân, mọi tầng lớp Nhân dân về tiêu chí xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, về số Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Thông tư số 09/2021/TT-BTP Hướng dẫn thi hành quyết định số 25/2021/QĐ-TT, ngày 22/7/2021 của Thủ tướng chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tới toàn thể cán bộ, công chức và phân công công chức quản lý, theo dõi thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với kiện toàn đội ngũ công chức phụ trách các tiêu chí, chỉ tiêu.

##### **2. Kết quả tự chấm điểm, đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu**

###### **a) Đối với tiêu chí 1:**

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 02/02 chỉ tiêu

- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 0/02 chỉ tiêu
- Số chỉ tiêu đạt điểm 0: 0/02 chỉ tiêu
- Số điểm đạt được của tiêu chí: 10/10 điểm.

b) Đối với tiêu chí 2:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 06/06 chỉ tiêu
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 0/06 chỉ tiêu
- Số chỉ tiêu đạt điểm 0: 0/06 chỉ tiêu
- Số điểm đạt được của tiêu chí: 29/30 điểm.

c) Đối với tiêu chí 3:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 03/03 chỉ tiêu
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 0/03 chỉ tiêu
- Số chỉ tiêu đạt điểm 0: 0/03 chỉ tiêu
- Số điểm đạt được của tiêu chí: 12/15 điểm.

d) Đối với tiêu chí 4:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 05/05 chỉ tiêu
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 0/05 chỉ tiêu
- Số chỉ tiêu đạt điểm 0: 0/05 chỉ tiêu
- Số điểm đạt được của tiêu chí: 18/20 điểm.

đ) Đối với tiêu chí 5:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 04/04 chỉ tiêu
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 0/04 chỉ tiêu
- Số chỉ tiêu đạt điểm 0: 0/04 chỉ tiêu
- Số điểm đạt được của tiêu chí: 25/25 điểm.

### **3. Mức độ đáp ứng các điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

a) Số tiêu chí đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 05/05 tiêu chí

b) Tổng điểm số đạt được của các tiêu chí: 94/100 điểm.

c) Trong năm đánh giá, không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp xã bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

d) Mức độ đáp ứng các điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Đáp ứng được 03/03 điều kiện.

## **II. Những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu và đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; đề xuất giải pháp khắc phục**

Từ khi triển khai công tác xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, các tổ



chức cá nhân trên địa bàn xã đều hưởng ứng và nhận thức sâu sắc các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình và chấp hành chính sách pháp luật Nhà nước, đơn thư giảm so với năm trước. Nhân dân hài lòng với kết quả công việc và thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, tuy nhiên việc triển khai thực hiện các quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn xã cũng có những thuận lợi và khó khăn nhất định.

### **1. Thuận lợi**

Được sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, sự đồng tình ủng hộ của toàn thể cán bộ, công chức, Nhân dân trên địa bàn về xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

+ Khắc phục được tình trạng nội dung của một số chỉ tiêu còn chung chung, trùng lặp chưa rõ nội dung cụ thể, khó triển khai trong thực tiễn, khó thu thập tài liệu kiểm chứng.

+ Khắc phục được một số chỉ tiêu còn hình thức, chưa thực chất, định tính, khó chấm điểm.

### **2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân**

#### **\* Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc**

Việc tìm kiếm các tài liệu kiểm chứng thuộc nhiều lĩnh vực nên gây khó khăn trong quá trình tìm kiếm tài liệu chứng minh.

Nguồn kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở, công tác chuẩn tiếp cận pháp luật hiện nay còn khó khăn do chủ yếu dựa vào nguồn ngân sách địa phương nên còn hạn chế.

Nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật có phạm vi rộng, liên quan đến nhiều lĩnh vực, công tác phối kết hợp có lúc chưa thường xuyên, kinh phí bố trí cho chương trình còn thấp;

Là nhiệm vụ quan trọng, có nội dung bao quát rộng nên trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ công chức phụ trách tiêu chí, chỉ tiêu còn gặp khó khăn.

#### **\* Nguyên nhân**

- Xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là một nhiệm vụ khó, phức tạp, đối tượng đánh giá tuy đã thu hẹp là cấp xã nhưng các chỉ tiêu, tiêu chí đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với triển khai văn bản pháp luật, chính sách thuộc nhiều lĩnh vực liên quan đến quyền, lợi ích của người dân. Để có thể đưa pháp luật đi vào cuộc sống một cách toàn diện đòi hỏi phải có thời gian, tính thống nhất



trong chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp các ngành cũng như bảo đảm nguồn lực triển khai thực hiện nhiệm vụ trong thực tiễn.

- Các tiêu chí, chỉ tiêu và việc tổ chức đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật chưa được chuẩn hóa và bảo đảm thực hiện bằng văn bản mang tính pháp lý.

- Công chức cấp xã hiện nay đảm nhiệm khối lượng công việc lớn nên thời gian dành cho việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật chưa đáp ứng được yêu cầu.

### **3. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp khắc phục**

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện tổ chức hội nghị tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật tại xã, tổ chức tập huấn nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải ở cơ sở, tạo điều kiện cho xã tổ chức thực hiện tiêu chí tiếp cận pháp luật có hiệu quả hơn.

UBND xã ban hành Quyết định phân công cán bộ, công chức phụ trách chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật từ đầu năm đề nghị các đồng chí được phân công tìm hiểu và nắm các tiêu chí, chỉ tiêu để thực hiện.

Tăng cường tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho mọi tầng lớp Nhân dân trên địa bàn xã, chú trọng công tác hòa giải ở cơ sở;

Lồng ghép việc xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong chương trình, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng nông thôn mới.

### **III. Mục tiêu, kế hoạch thực hiện**

- Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, kịp thời của cấp ủy, chính quyền, lãnh đạo cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu là yếu tố quyết định cho thành công của nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật nói riêng và thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nói chung.

- Chú trọng công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; kịp thời phát hiện những bất cập từ quy định của các văn bản để đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bảo đảm thực hiện có hiệu lực, hiệu quả.

- Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; phát huy hiệu quả các mô hình, cách làm hiệu quả trong thực tiễn để rút kinh nghiệm, nhân ra diện rộng.

- Tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương; nâng cao tính chủ động sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị, công chức chuyên môn.



- Chú trọng gắn kết giữa thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật với xây dựng nông thôn mới và các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương.

- Nâng cao năng lực cán bộ, bố trí đúng mức kinh phí cho nhiệm vụ đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Đổi mới cách thức tập huấn, bồi dưỡng theo hướng tập trung vào kỹ năng xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với giải đáp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Lồng ghép, tận dụng nguồn lực của các chương trình có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

#### **IV. Đề nghị công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

Ủy ban nhân dân xã Yên Ninh kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xem xét, quyết định công nhận xã Yên Ninh đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024.

*Kèm theo báo cáo này gồm có:*

1. Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu;
2. Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân về kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (nếu có);
3. Tài liệu khác có liên quan./.

**Nơi nhận:**

- UBND huyện Phú Lương;
- Phòng Tư Pháp;
- Lưu: Vp, Tp.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ YÊN NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Yên Ninh, ngày tháng năm 2024

**BẢN TỔNG HỢP ĐIỂM SỐ CỦA CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU  
( DỰ THẢO )**

Mẫu 02-TCPL-II  
Ban hành kèm theo Thông tư  
số 09/2021/TT-BTP

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Cơ sở chấm điểm		Điểm số tự chấm	Chữ ký của công chức phụ trách
			Số liệu thực hiện (1)	Tỷ lệ đạt được (2)		
Tiêu chí 1	Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và đảm bảo thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn	10			10	
Chỉ tiêu 1	Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao	3	<i>Trong năm đánh giá không có nhiệm vụ được ban hành văn bản quy phạm pháp luật</i>		3	
	1. Ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá	1				
	a) Ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật	1				
	b) Không ban hành từ 01 ( một) văn bản quy phạm pháp luật trở lên	0				
	2. Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá	2				



	a) Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật	2				
	b) Ban hành từ 01( một) văn bản quy phạm pháp luật trở lên trái pháp luật và bị cơ quan có thẩm quyền xử lý	0				
<b>Chỉ tiêu 2</b>	<b>Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân ( sau đây gọi chung là văn bản hành chính)</b> <i>Tỷ lệ % = ( Tổng số văn bản hành chính đã ban hành đúng thẩm quyền, thời hạn và không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý do có nội dung trái pháp luật/Tổng số văn bản ban hành chính đã ban hành trong năm đánh giá)x100</i>	7	<b>450/450</b>	100%	7	
	a) Đạt 100%	7			7	
	b) Từ 95% đến dưới 100%	6				
	c) Từ 90% đến dưới 95%	5				
	d) Từ 85% đến dưới 90%	4				
	đ) Từ 80% đến dưới 85%	3				
	e) Từ 75% đến dưới 80%	2				
	g) Từ 70% đến dưới 75%	1				
	h) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	i) Dưới 50%	0				
<b>Tiêu chí 2</b>	<b>Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật</b>	<b>30</b>			<b>29</b>	

<b>Chỉ tiêu 1</b>	<b>Công khai các thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn</b>	<b>6</b>			<b>6</b>	
	1. Lập, đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin phải được công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (sau đây gọi chung là Danh mục thông tin) theo đúng quy định pháp luật	<b>1</b>			<b>1</b>	
	a) Lập Danh mục thông tin có đầy đủ các nội dung thông tin cần công khai và thường xuyên cập nhật Danh mục thông tin theo đúng quy định pháp luật	<b>0,5</b>	<b>03/03</b>	100%	<b>0,5</b>	
	b) Đăng tải Danh mục thông tin (xã, phường, thị trấn có Cổng hoặc Trang thông tin điện tử) hoặc niêm yết Danh mục thông tin tại trụ sở của chính quyền cấp xã (xã, phường, thị trấn chưa có Cổng hoặc Trang thông tin điện tử) hoặc bằng hình thức phù hợp khác	<b>0,5</b>	<b>01/01 Trang thông tin điện tử</b>	100%	<b>0,5</b>	
	2. Công khai thông tin đúng thời hạn, thời điểm <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai đúng thời hạn, thời điểm / Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</i>	<b>1,5</b>			<b>1,5</b>	
	a) Đạt 100%	<b>1,5</b>	<b>05/05</b>	100%	<b>1,5</b>	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	<b>1</b>				



c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75				
d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
e) Dưới 50%	0				
3. Công khai thông tin chính xác, đầy đủ <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai chính xác, đầy đủ/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</i>	2			<b>2</b>	
a) Đạt 100%	2	<b>05/05</b>	100%	<b>2</b>	
b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5				
c) Từ 80% đến dưới 90%	1				
d) Từ 70 đến dưới 80%	0,5				
đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
e) Dưới 50%	0				
4. Hình thức công khai thông tin đúng quy định pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai đúng hình thức theo quy định pháp luật/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</i>	1,5			<b>1,5</b>	
a) Đạt 100%	1,5	<b>05/05</b>	100%	<b>1,5</b>	
b) Từ 90% đến dưới 100%	1				
c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75				
d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				

	e) Dưới 50%	0				
<b>Chỉ tiêu 2</b>	<b>Cung cấp thông tin theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin</b> <i>(Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được tính 05 điểm)</i>	<b>5</b>	<i>Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin</i>		<b>5</b>	
<b>Chỉ tiêu 2</b>	1. Cung cấp thông tin theo yêu cầu đúng thời hạn <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng thời hạn/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>	1,5			<b>1,5</b>	
	a) Đạt 100%	1,5			<b>1,5</b>	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
	2. Cung cấp thông tin theo yêu cầu chính xác, đầy đủ <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp chính xác, đầy đủ/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>	2			<b>2</b>	
	a) Đạt 100%	2			<b>2</b>	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1				



	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
	3. Hình thức cung cấp thông tin đúng quy định pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng hình thức theo quy định pháp luật/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>	1,5				<b>1.5</b>
	a) Đạt 100%	1,5				<b>1,5</b>
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
<b>Chỉ tiêu 3</b>	<b>Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật</b>	<b>8</b>				<b>8</b>
	1. Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu về nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	2				<b>2</b>
	a) Ban hành Kế hoạch trong 05 (năm) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	2	<b>01/01</b>	100%		<b>2</b>

b) Ban hành Kế hoạch sau 05 (năm) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	1				
b) Niêm yết công khai thủ tục hành chính trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định công bố có hiệu lực thi hành	0,5				
c) Không ban hành Kế hoạch hoặc có ban hành Kế hoạch nhưng không đáp ứng yêu cầu về nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	0				
2. Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch (trừ nội dung của chỉ tiêu 5 của tiêu chí này):  <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong Kế hoạch) x 100</i>	4			<b>4</b>	
a) Đạt 100%	4	<b>10/10</b>	100%	<b>4</b>	
b) Từ 90% đến dưới 100%	3				
c) Từ 80% đến dưới 90%	2				
d) Từ 70% đến dưới 80%	1				
đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
e) Dưới 50%	0				
3. Triển khai các nhiệm vụ phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên  <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm</i>	2	<i>Trong năm đánh giá không phát sinh nhiệm vụ ngoài Kế hoạch</i>		<b>2</b>	



	<p>vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên) x 100</p> <p>(Trong năm đánh giá không phát sinh nhiệm vụ ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên được tính 02 điểm)</p>		theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên			
	a) Đạt 100%	2			2	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
	<b>Triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở</b>	<b>5</b>			<b>5</b>	
<b>Chỉ tiêu 4</b>	a) Có từ 02 ( hai ) mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả trở lên	5	<b>02/02</b>	100%	5	
	b) Có 01 ( một ) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả	3				
	c) Không có hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả	1				
<b>Chỉ tiêu 5</b>	<b>Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho tuyên truyền</b>	<b>3</b>			<b>3</b>	

	<b>viên pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật</b> <i>Tỷ lệ % = ( Tổng số tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng/ Tổng số tuyên truyền viên pháp luật của cấp xã) x 100</i>					
	a) Đạt 100%	3	19/19	100%	3	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	2				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
<b>Chỉ tiêu 6</b>	<b>Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật</b>	3			3	
	a) Số kinh phí được bố trí đã đảm bảo thực hiện 100% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	3		100%		
	b) Số kinh phí được bố trí đã đảm bảo thực hiện từ 90% đến dưới 100% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	2		90%	2	
	c) Số kinh phí được bố trí đã đảm bảo thực hiện từ 80% đến dưới 90% số nhiệm vụ quy định tại mục	1				



	2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này					
	d) Số kinh phí được bố trí đã đảm bảo thực hiện từ 70% đến dưới 80% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	0,5				
	đ) Số kinh phí được bố trí đã đảm bảo thực hiện từ 50% đến dưới 70% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	0,25				
	e) Số kinh phí được bố trí đã đảm bảo thực hiện dưới 50% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	0				
<b>Tiêu chí 3</b>	<b>Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý</b>	<b>15</b>			<b>13</b>	
<b>Chỉ tiêu 1</b>	Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hoà giải ở cơ sở được hoà giải kịp thời, hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở <i>(Trong năm đánh giá không phát sinh vụ, việc hoà giải được tính 07 điểm)</i>	7			<b>5</b>	
	1. Các vụ, việc hoà giải được tiếp nhận, giải quyết theo đúng quy định pháp luật về hoà giải ở cơ sở <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc đã hoà giải đúng quy</i>	3,5			<b>3,5</b>	

	<i>định / Tổng số vụ, việc đã tiếp nhận ) x 100</i>					
	a) Đạt 100%	3,5	<b>05/05</b>	100%	<b>3,5</b>	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	2,5				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1,5				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
	2. Các vụ, việc hoà giải thành <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc đã hoà giải thành / Tổng số vụ, việc được thực hiện ) x 100</i>	3,5				
	a) Đạt 100%	3,5				
	b) Từ 90% đến dưới 100%	2,5				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1,5	<b>4/5</b>	83,0%	<b>1,5</b>	
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
<b>Chỉ tiêu 2</b>	<b>Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động hoà giải ở cơ sở theo đúng quy định pháp luật về hoà giải ở cơ sở</b>	<b>4</b>			<b>4</b>	
	1. Có văn bản và dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động hoà giải gửi cơ quan có thẩm quyền cấp trên theo thời hạn quy định	1			<b>1</b>	
	2. Tổ hoà giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hoà giải được hỗ trợ kinh phí</i>	1,5			<b>1,5</b>	



	<i>đúng mức chi theo quy định/Tổng số tổ hoà giải trên địa bàn) x 100</i>					
	a) Đạt 100%	1,5	<b>14/14</b>	100%	<b>1,5</b>	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
	3.Hỗ trợ thù lao hoà giải viên theo vụ, việc đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền  <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hoà giải đã giải quyết được hỗ trợ thù lao cho hoà giải viên đúng mức chi theo quy định / Tổng số vụ, việc hoà giải đã giải quyết) x 100</i>	1,5	<b>05/05( Tổ hoà giải có phát sinh vụ việc)</b>	100%	<b>1,5</b>	
	a) Đạt 100%	1,5	<b>05/05</b>	100%	<b>1,5</b>	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
<b>Chỉ tiêu 3</b>	<b>Thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý theo quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý</b> <i>Tỷ lệ % = ( Tổng số người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ</i>	<b>4</b>	<i>Trong năm không phát sinh vụ việc trợ giúp pháp lý liên quan đến người thuộc diện</i>		<b>4</b>	

	<p>việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến trung tâm để thực hiện quyền được trợ giúp pháp lý/ Tổng số người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ, việc tham gia tố tụng cư trú trên địa bàn mà UBND cấp xã có được thông tin theo quy định) x 100 ( Trong năm không phát sinh vụ việc trợ giúp pháp lý liên quan đến người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được tính 04 điểm)</p>		<p>trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng</p>			
	a) Đạt 100%	4			<b>4</b>	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	3				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	2				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	1				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
<b>Tiêu chí 4</b>	<b>Thực hiện dân chủ ở xã</b>	<b>20</b>			<b>18</b>	
<b>Chỉ tiêu 1</b>	<b>Tổ chức trao đổi, đối thoại với Nhân dân theo đúng quy định pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương</b>	<b>3</b>			<b>3</b>	
	1. Tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân	2				
	a) Có tổ chức hội nghị	2	<b>02/02</b>	100%	<b>2</b>	
	b) Không tổ chức hội nghị	0				
	2) Thông báo về thời gian,	1				



	địa điểm, nội dung của hội nghị theo đúng quy định pháp luật					
	a) Thông báo đúng thời hạn đúng hình thức	1	02/02	100%	1	
	b) Không thông báo hoặc có thông báo nhưng không đúng thời hạn hoặc không đúng hình thức	0				
<b>Chỉ tiêu 2</b>	<b>Tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn</b> <i>Tỷ lệ % = ( Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp đúng hình thức, yêu cầu theo quy định pháp luật/ Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp)x100</i>	4			4	
<b>Chỉ tiêu 2</b>	a) Đạt 100%	4		100%	4	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	3				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	2				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	1				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
<b>Chỉ tiêu 3</b>	<b>Tổ chức để nhân dân bàn, biểu quyết các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn</b> <i>Tỷ lệ % = ( Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân bàn, quyết định đúng hình thức, yêu cầu theo quy</i>	4			4	

	<i>định pháp luật/ Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân bàn, biểu quyết) x100</i>					
	a) Đạt 100%	4		100%	<b>4</b>	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	3				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	2				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	1				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
<b>Chỉ tiêu 4</b>	<b>Tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn</b> <i>Tỷ lệ % = ( Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân tham gia ý kiến đúng hình thức, yêu cầu và thực hiện tổng hợp, tiếp thu ý kiến của Nhân dân theo quy định pháp luật/ Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến) x100</i>	4			<b>4</b>	
	a) Đạt 100%	4		100%	<b>4</b>	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	4				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	3				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	2				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	1				
	e) Dưới 50%	0				
	<b>Tổ chức để nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban thanh tra nhân dân,</b>	5			<b>5</b>	



	<b>Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã</b>					
<b>Chỉ tiêu 5</b>	1.Các nội dung để nhân dân giám sát	4			<b>3</b>	
	a)Tổ chức giám sát từ 04(bốn) nội dung trở lên	4				
	b)Tổ chức giám sát từ 03(ba) nội dung	3			<b>3</b>	
	c)Tổ chức giám sát từ 02(hai) nội dung	2				
	d)Tổ chức giám sát từ 01(một) nội dung	1				
	đ)Không tổ chức giám sát	0				
	2.Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư cộng đồng	1				<b>1</b>
<b>Chỉ tiêu 5</b> <b>Tiêu chí 5</b>	<b>Tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, thủ tục hành chính; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội</b>	25				<b>25</b>
	Tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định pháp luật về tiếp công dân,	7				<b>7</b>

	khiếu nại, tố cáo					
<b>Chỉ tiêu 1</b>	1. Tổ chức tiếp công dân	3			<b>3</b>	
	a) Có nội quy tiếp công dân	<b>0,5</b>			<b>0,5</b>	
	b) Bố trí địa điểm, các điều kiện cần thiết, phân công người tiếp công dân; niêm yết công khai lịch tiếp công dân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tại trụ sở	0,5			<b>0,5</b>	
	c) Thực hiện đầy đủ, đúng trách nhiệm tiếp công dân tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã (ít nhất 01 ngày trong 01 tuần) và tiếp công dân đột xuất (nếu có)	1			<b>1</b>	
	d) Phối hợp, xử lý kịp thời vụ việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung; bảo đảm an toàn, trật tự cho hoạt động tiếp công dân	1			<b>1</b>	
	2. Tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh <i>Tỷ lệ % = ( tổng số kiến nghị, phản ánh được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số kiến nghị, phản ánh đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x100</i> <i>Trong năm đánh giá không có kiến nghị, phản ánh được tính 02 điểm)</i>	2		<i>Trong năm đánh giá không có kiến nghị, phản ánh</i>	<b>2</b>	
	a) Đạt 100%	2			<b>2</b>	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				



	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
	3. Tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo <i>Tỷ lệ % = ( tổng số khiếu nại, tố cáo được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số khiếu nại, tố cáo đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x100</i> <i>Trong năm đánh giá không có khiếu nại, tố cáo được tính 02 điểm)</i>	2	Trong năm đánh giá không có khiếu nại, tố cáo		2	
	a) Đạt 100%	2			2	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
<b>Chỉ tiêu 2</b>	<b>Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính</b> <i>Tỷ lệ % = ( Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x100</i>	7			7	
	a) Đạt 100%	7	5665/5665	100%	7	
	b) Từ 95% đến dưới 100%	6				

	c) Từ 90% đến dưới 95%	5				
	d) Từ 85% đến dưới 90%	4				
	đ) Từ 80% đến dưới 85%	3				
	e) Từ 75% đến dưới 80%	2				
	g) Từ 70% đến dưới 75%	1				
	h) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	l) Dưới 50%	0				
	<b>Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự</b>	5				<b>5</b>
<b>Chỉ tiêu 3</b>	a) Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	5				<b>5</b>
	b) Có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	0				
<b>Chỉ tiêu 4</b>	<b>Đạt tiêu chuẩn An toàn về an ninh, trật tự” theo đúng quy định pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội</b>	6				<b>6</b>
	a) Đạt tiêu chuẩn “ An toàn về an ninh trật tự”	6				<b>6</b>
	b) Không đạt tiêu chuẩn “ An toàn về an ninh trật tự”	0				
		<b>100</b>				<b>94</b>

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**NGƯỜI THỰC HIỆN**